

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày: 30/9/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu.
2. Ông Lý Và Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai:
ông Vũ Văn Hội – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-DS ngày 12/9/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Ngân hàng S.

Trụ sở: 169 phố Linh Đường, phường H, quận H, Thành Ph.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết Th- tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh V – giám đốc phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Định Quán (văn bản ủy quyền ngày số 1792/QĐ-NHCSDN ngày 09/6/2015)

**Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: tổ 5, ấp H, xã Ng, huyện Đ, tỉnh N.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Khuru M, sinh năm 1967 và ông Khuru Hồng T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: tổ 5, ấp H, xã Ng, huyện Đ, tỉnh N.

(ông V có đơn xin vắng mặt, bà H, ông M, ông T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn ông V trình bày:*

Căn cứ hồ sơ vay vốn ngân hàng S ngày 27/6/2013 phòng giao dịch Ngân hàng S huyện Định Quán đã giải ngân cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị H vay vốn để làm chi phí chăm sóc cây trồng với tổng số tiền nhận là 15.000.000đ, lãi suất trong hạn 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Thời hạn cho vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 09/7/2016. Do không thanh toán được số tiền vay trên hộ gia đình bà H có đơn xin gia hạn nợ và được phòng giao dịch ngân hàng S Định Quán chấp nhận gia hạn đến ngày 09/01/2019. Hết thời hạn gia hạn trên hộ gia đình bà H không thanh toán cho Ngân hàng được khoản tiền nào. Ngày 31/01/2019 tại ủy ban nhân dân xã Ngọc Định làm việc với bà H và bà H có viết cam kết trong thời hạn 30 ngày thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ 15.000.000đ trên. Hết thời hạn 30 ngày hộ gia đình bà H không thanh toán cho ngân hàng. Đến ngày 09/4/2019 hộ gia đình bà H thanh toán được 5.000.000đ tiền gốc, 9.580.379đ tiền lãi từ ngày 27/6/2013 đến ngày 09/4/2019 và không thanh toán nữa cho đến nay.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu hộ gia đình bà H gồm có bà H, ông M, ông T có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 10.000.000đ và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 10/4/2019 đến ngày 30/9/2019 là 669.304đ tổng cộng là 10.669.304đ.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được tổng đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Khuru M và ông Khuru Hồng T đã được tổng đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ngân hàng S buộc Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Khuru M và ông Khuru Hồng T có nghĩa vụ hoàn trả cho S số tiền nợ gốc là 10.000.000đ và tiền lãi quá hạn là 669.304đ tổng cộng là 10.669.304đ.

Về án phí bà H, ông M, ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: bị đơn bà Nguyễn Thị H cư trú tại tổ 5, ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ nên đơn khởi kiện của ngân hàng chính sách xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

[2]Về thủ tục tố tụng: đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Khuru M và ông Khuru Hồng T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà H, ông M, ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]Về nội dung vụ án:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Khuru M và ông Khuru Hồng T trong vụ án đã được tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục theo trình tự tố tụng nhưng không đến tham gia giải quyết, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở giải quyết.

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 20/5/2013 của hộ gia đình bà Nguyễn Thị H có phê duyệt của ngân hàng ngày 25/6/2013 và sổ vay vốn phía nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 27/6/2013 hộ gia đình bà Nguyễn Thị H có vay của ngân hàng chính sách xã hội số tiền 15.000.000đ, mục đích vay vốn là hộ gia đình khó khăn vay vốn chăm sóc cây trồng, thỏa thuận lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay. Thời hạn vay 36 tháng, tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 24, hạn trả nợ cuối cùng này 24/6/2016, gia hạn đến ngày 09/01/2019.

Căn cứ biên bản làm việc ngày 31/01/2019 tại ủy ban nhân dân xã Ngọc Định đại diện cho hộ gia đình là bà H thừa nhận do hoàn cảnh khó khăn hộ gia đình bà chưa thanh toán cho ngân hàng chính sách xã hội số tiền 15.000.000đ được, bà H cam kết trong thời hạn 30 ngày sẽ thanh toán số tiền 15.000.000đ cho ngân hàng chính sách xã hội.

Căn cứ sổ theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ và thẻ theo dõi giao dịch tiền vay thì ngày 09/4/2019 hộ gia đình bà H thanh toán được 5.000.000đ tiền gốc 9.580.379đ tiền lãi từ ngày 27/6/2013 đến ngày 09/4/2019 và không thanh toán nữa.

Từ những căn cứ trên có đủ căn cứ xác định hộ gia đình bà Nguyễn Thị H có vay và còn nợ ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc 10.000.000đ và tiền lãi 10/4/2019 đến ngày 30/9/2019 là 669.304đ.

Về lãi suất: Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. Theo hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận mức lãi suất 0,9%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay trong hạn đúng quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng. Do đó,

nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm trả tiền nợ lãi và tiếp tục chịu lãi cho đến khi trả hết nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ của ông Khuru M và ông Khuru Hồng T: Xét khoản nợ do bà Nguyễn Thị H là đại diện cho chủ hộ gia đình trực tiếp ký hợp đồng. Hộ gia đình bà H gồm có bà H, ông M, ông T và ông M, ông T có giấy ủy quyền cho bà H đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với ngân hàng chính sách xã hội. Nên buộc ông Khuru M và ông Khuru Hồng T có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả khoản nợ nêu trên.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng chính sách xã hội buộc bà Nguyễn Thị H, ông Khuru M và ông Khuru Hồng T phải trả cho ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc 10.000.000đ và tiền lãi từ ngày 10/4/2019 đến ngày 30/9/2019 là 669.304đ. Tổng cộng 10.669.304đ

Bà Nguyễn Thị H, ông Khuru M và ông Khuru Hồng T tiếp tục thanh toán tiền lãi tính từ ngày 01/10/2019 trên dự nợ gốc theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng chính sách xã hội được chấp nhận nên bà H, ông M, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 203; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 107, 110, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.
- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về tranh chấp “hợp đồng tín dụng”.

Buộc Bà Nguyễn Thị H, ông Khuru M và ông Khuru Hồng T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền tiền gốc 10.000.000đ (mười triệu đồng) và tiền lãi 669.304đ (sáu trăm sáu chín ngàn ba trăm lẻ bốn đồng). Tổng cộng 10.669.304đ (mười triệu sáu trăm sáu chín ngàn ba trăm lẻ bốn đồng)

Bà Nguyễn Thị H, ông Khuru M và ông Khuru Hồng T tiếp tục thanh toán

tiền lãi tính từ ngày 01/10/2019 trên dự nợ gốc theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H, ông Khuru M và ông Khuru Hồng T phải nộp 533.465đ (năm trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Chính sách xã hội không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chi án phí theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND H. Định Quán;
- THA DS H. Định Quán;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại